

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm gần 23 điểm trong ngày hôm nay xuống 1,617.00 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Dầu khí, Xây dựng & vật liệu,... Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm tăng mạnh hơn 6%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường vẫn tiếp tục giao dịch khá lỏng lẻo và khó đoán định. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 03/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-22.65** điểm, đóng cửa tại **1617** điểm. HNX-Index **-6.67** điểm, đóng cửa tại **259.18** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.00)**, **BVH (+0.64)**, **FPT (+0.43)**, **KDC (+0.20)**, **CRV (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-2.33)**, **VPB (-1.92)**, **STB (-1.30)**, **HPG (-1.11)**, **HDB (-1.11)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,777** tỷ đồng, tăng **12.30%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,513 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 35.48 điểm. Thị trường có **88** mã tăng, 43 mã tham chiếu, **240** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-153.40** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIX (-283.77 tỷ)**, **MBB (-122.88 tỷ)**, **STB (-86.82 tỷ)**, **MWG (-86.81 tỷ)**, **VRE (-77.66 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.91** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-2.22%**. Các mã diễn biến tích cực:
FPT (+1.06%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.81%**. Các mã diễn biến tích cực:
BVH (+6.89%)
PVD (+2.31%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+2.30%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-2.22%	-1.81%	-1.38%	-1.47%
1 tuần	2.57%	1.69%	-2.15%	-2.27%
1 tháng	1.52%	0.45%	-1.75%	-0.10%
3 tháng	4.00%	1.22%	4.51%	9.89%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,617.00	259.18	114.63
% 1D	-1.38%	-2.51%	1.03%
GTKL (tỷ VND)	27,777	2,757	687
%1D	12.30%	50.37%	-27.98%
GDNN (tỷ VND)	-153.40	-3.91	-48.29

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	249.64	VIX	-283.77
ACB	117.79	MBB	-122.88
VJC	86.75	STB	-86.82
HAH	75.76	MWG	-86.81
PVD	64.82	VRE	-77.66

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

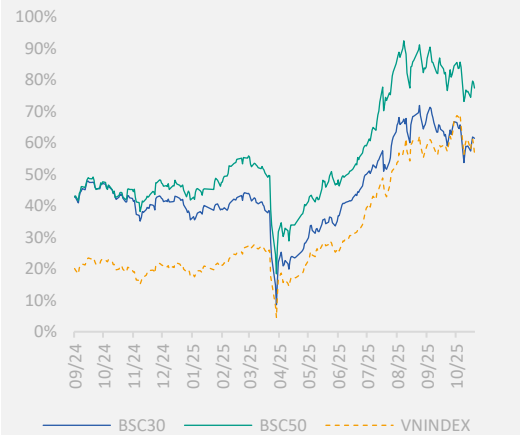
		%D	%W
SPX	6,840	0.26%	0.71%
FTSE100	9,736	0.19%	0.85%
Eurostoxx	5,689	0.38%	-0.40%
Shanghai	3,977	0.55%	-0.51%
Nikkei	52,411	2.12%	6.31%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.77	0.00%
Giá vàng	4,015	0.82%
Tỷ giá		
USD/VND	26,347	
EUR/VND	31,089	-0.43%
JPY/VND	175	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	0.0%	-3.95%
LS LNH 1M	5.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

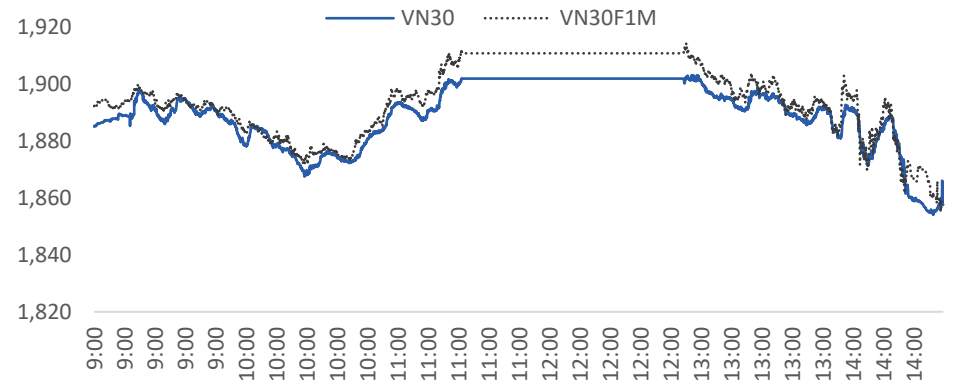
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1860.00	-1.69%	410,292	20.0%	20/11/2025	17
41I1G6000	1858.80	-1.57%	50	72.4%	18/06/2026	227
VN30F2512	1860.00	-1.38%	1,826	155.7%	18/12/2025	45
41I1G3000	1860.00	-1.17%	179	171.21%	19/03/2026	136

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -27.72 điểm, đóng cửa tại 1857.64 điểm. Biên độ dao động 45.57 điểm. Các cổ phiếu như HPG, TCB, STB, VPB, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán cuối phiên kéo VN30 đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2508	4/05/2026	182	2,300	35.36%	21.67	590	31.1%	0.09	24.03	17.75	17.75
CTCB2510	23/12/2025	50	399,100	6.41%	30.20	1,900	25.0%	1.36	35.75	33.60	33.60
CFPT2516	23/01/2026	81	208,300	6.37%	102.64	1,040	20.9%	0.84	111.69	105.00	105.00
CFPT2515	15/12/2025	42	1,122,800	7.11%	106.95	640	20.8%	0.38	112.46	105.00	105.00
CHPG2506	9/01/2026	67	2,200	10.35%	23.15	1,680	18.3%	1.05	28.75	26.05	26.05
CVIC2513	25/05/2026	203	5,500	18.68%	147.00	8,490	17.1%	5.44	231.90	195.40	195.40
CFPT2512	13/04/2026	161	2,668,300	14.50%	108.67	1,340	16.5%	0.82	120.23	105.00	105.00
CVIC2510	3/12/2025	30	29,000	0.10%	110.00	10,700	12.6%	10.73	195.60	195.40	195.40
CFPT2511	12/01/2026	70	1,299,500	8.83%	106.95	850	11.8%	0.54	114.28	105.00	105.00
CFPT2519	23/02/2026	112	613,600	20.65%	122.65	580	11.5%	0.24	126.68	105.00	105.00
CFPT2517	23/06/2026	232	1,194,200	15.98%	106.99	1,700	9.7%	1.13	121.78	105.00	105.00
CFPT2521	23/06/2026	232	262,500	28.97%	122.50	680	9.7%	0.23	135.42	105.00	105.00
CVHM2521	25/05/2026	203	110,200	153.40%	115.68	3,690	8.8%	0.00	145.20	57.30	57.30
CFPT2522	25/12/2025	52	2,200	23.13%	116.79	500	8.7%	0.04	129.29	105.00	105.00
CACB2508	15/12/2025	42	221,700	1.13%	21.73	2,400	8.6%	2.32	25.74	25.45	25.45
CHDB2505	23/02/2026	112	1,300	19.73%	27.78	2,200	8.4%	1.00	36.58	30.55	30.55
CFPT2525	25/03/2026	142	226,600	11.81%	103.00	1,440	8.3%	0.92	117.40	105.00	105.00
CVHM2511	13/04/2026	161	700	3.43%	58.00	10,970	8.2%	10.43	101.88	98.50	98.50
CACB2509	23/01/2026	81	103,900	2.12%	20.50	1,830	7.6%	1.74	25.99	25.45	25.45
CTPB2502	12/01/2026	70	710,200	7.05%	13.05	2,560	7.6%	2.02	17.82	16.65	16.65

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 03/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CSSB2508 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 31.11%. CMWG2510 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.56%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CVPB2524, CTCB2517, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	195.40	2.30%	4.00	3.88
BVH	54.30	6.89%	0.64	0.74
FPT	105.00	1.06%	0.43	1.70
KDC	54.50	5.62%	0.20	0.29
CRV	33.45	2.76%	0.14	0.67

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	81.00	9.61%	1.10	0.23
PRE	23.20	8.41%	0.12	0.10
VFS	17.50	4.79%	0.07	0.14
TFC	65.00	5.52%	0.04	0.02
HGM	271.90	1.42%	0.03	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTB	13.80	6.98%	0.00	0.09
SVC	31.45	6.97%	0.05	0.01
ICT	19.30	6.93%	0.01	0.09
HID	4.17	6.92%	0.01	1.96
BVH	54.30	6.89%	0.63	0.88

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KDM	15.50	9.93%	0.04	0.15
QHD	41.30	9.84%	0.10	0.00
PVI	81.00	9.61%	6.53	0.41
PMS	37.00	9.47%	0.09	0.00
TMC	7.60	8.57%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	33.60	-4.27%	-2.33	7.09
VPB	27.60	-3.83%	-1.92	7.93
STB	52.30	-5.77%	-1.30	1.89
HPG	26.05	-2.43%	-1.11	7.68
HDB	30.55	-4.53%	-1.11	3.51

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	20.80	-9.57%	-1.08	0.90
CEO	22.90	-9.84%	-0.77	0.57
HUT	16.50	-5.71%	-0.60	1.07
MBS	28.00	-3.78%	-0.38	0.59
NVB	14.40	-1.37%	-0.14	1.17

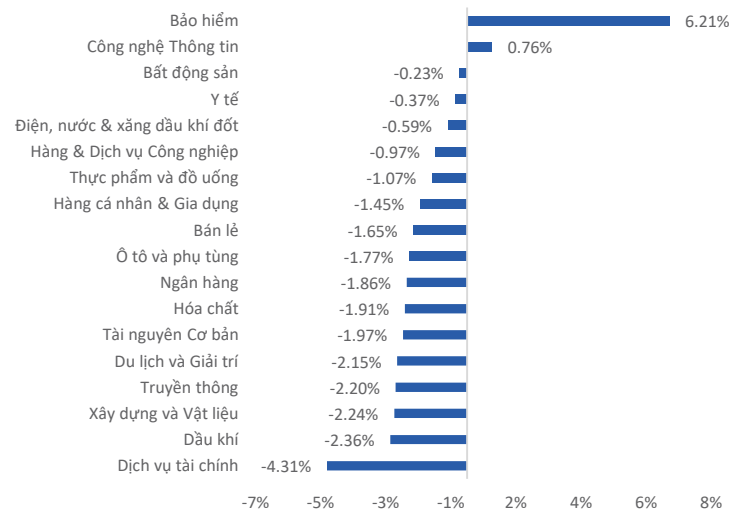
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HSL	9.58	-6.99%	-0.01	1.36
MHC	12.65	-6.99%	-0.01	0.87
HDC	31.30	-6.98%	-0.09	6.07
VIX	26.05	-6.96%	-0.63	74.53
DXS	9.77	-6.95%	-0.09	3.93

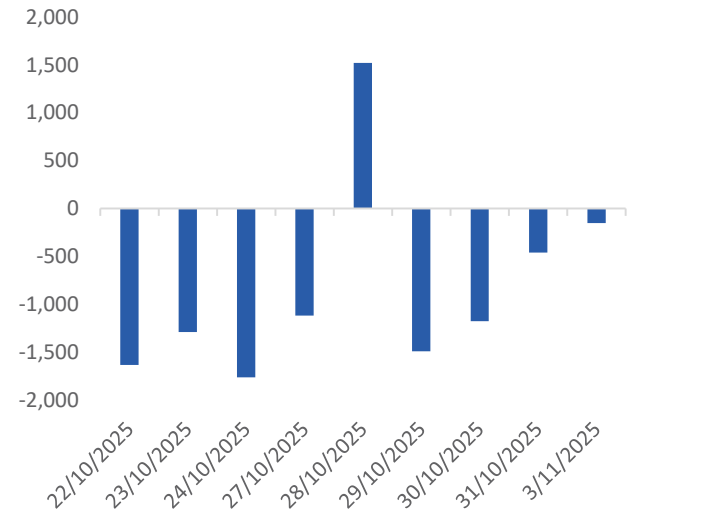
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	22.90	-9.84%	-4.58	40.71
NAG	10.40	-9.57%	-0.14	1.61
SHS	20.80	-9.57%	-6.41	42.90
MBG	3.30	-8.33%	-0.12	0.83
BTW	60.00	-7.69%	-0.15	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.0	-1.9%	1.1	122,121	668.6	3,955	20.9	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	34.2	-2.3%	1.3	32,961	183.6	1,872	18.7	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.0	-5.2%	1.1	40,231	334.0	857	41.8	39,900	27.2%	Link
PDR	Bất động sản	21.4	-5.1%	1.3	22,095	334.9	211	106.9	28,200	9.4%	Link
VHM	Bất động sản	98.5	-0.7%	1.2	407,455	513.3	6,133	16.2	92,000	9.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	105.0	1.1%	0.9	176,994	2219.6	5,280	19.7	118,700	37.7%	Link
BSR	Dầu khí	16.0	-3.9%	0.0	83,372	81.9	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.5	-0.9%	1.4	15,677	124.7	3,040	10.8	42,800	10.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.4	-4.1%	1.3	25,163	363.4	1,449	16.1		35.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.5	-5.3%	1.2	71,204	1675.8	1,882	18.2		33.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.0	-3.0%	1.1	26,808	346.9	1,589	23.3		20.4%	
DCM	Hóa chất	34.6	-1.3%	1.4	18,529	84.7	3,578	9.8	47,300	4.7%	Link
DGC	Hóa chất	95.5	-0.5%	1.2	36,459	214.8	8,296	11.6	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	25.5	-0.2%	0.9	130,985	372.9	3,385	7.5	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	37.1	-0.8%	1.0	262,599	92.1	3,781	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.5	-1.0%	1.1	263,130	282.7	6,208	7.9	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	30.6	-4.5%	1.2	123,019	832.4	3,982	8.0	30,800	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	23.1	-2.1%	1.0	190,098	744.8	3,017	7.8	32,000	20.9%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	-0.4%	1.1	37,596	81.6	1,729	7.0	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	52.3	-5.8%	0.9	104,629	366.4	6,519	8.5		17.0%	
TCB	Ngân hàng	33.6	-4.3%	1.1	248,727	773.4	3,113	11.3	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.7	0.0%	1.2	46,188	351.4	2,358	7.1	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	59.3	-0.5%	0.7	497,998	170.5	4,202	14.2	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.4	-1.1%	0.9	63,144	84.6	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.6	-3.8%	1.3	227,704	707.5	2,603	11.0	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.1	-2.4%	1.0	204,935	807.8	1,876	14.2	34,300	18.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	0.0%	1.0	10,401	85.9	1,178	14.2	23,800	5.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.8	-2.8%	1.2	10,218	102.0	4,150	6.4	31,700	3.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	-3.3%	1.2	115,095	600.9	2,196	36.3	92,700	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.3	-0.5%	0.5	120,381	153.3	4,160	13.9	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.1	0.63%	1.2	8,814	84.4	2,413	16.5	20.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	147.0	-0.94%	0.9	25,273	104.7	3,620	41.0	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.3	6.89%	1.2	37,710	46.5	3,594	14.1	27.0%	11.3%	
DIG	Bất động sản	19.3	-6.31%	1.0	16,406	330.9	520	39.6	5.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.9	-6.91%	1.1	20,632	696.5	401	50.5	21.9%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	31.3	-6.98%	1.0	6,002	198.1	3,424	9.8	4.3%	25.2%	
HDG	Bất động sản	29.8	-3.25%	1.5	11,395	98.1	938	32.8	20.3%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	38.2	0.26%	1.3	14,459	130.8	4,849	7.9	10.8%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	37.0	-6.92%	1.1	19,286	92.5	2,200	18.1	46.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.5	0.36%	1.3	13,631	43.2	5,474	10.3	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.9	-0.96%	1.1	5,616	23.3	1,763	17.7	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.2	-6.93%	1.5	18,807	159.5	852	25.4	12.3%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	195.4	2.30%	1.2	735,926	899.1	2,287	83.5	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	31.4	-5.86%	1.4	75,668	533.7	2,144	15.5	15.1%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.4	-3.58%	1.1	8,872	49.9	1,833	22.9	38.6%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.3	-0.72%	0.8	43,899	40.3	2,090	16.5	15.3%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	22.2	2.31%	1.1	12,035	357.3	1,602	13.5	3.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.3	-2.00%	1.2	12,127	71.8	1,262	27.7	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.0	-3.78%	1.8	19,168	117.2	1,670	17.4	5.3%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.5	-0.16%	0.8	148,638	68.3	5,014	12.3	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	-0.70%	0.9	33,606	76.8	812	17.7	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	-1.52%	0.7	35,749	18.5	4,776	13.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	183.5	-1.87%	0.4	110,631	611.6	2,897	64.6	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.1	0.11%	0.8	39,751	811.2	2,313	19.1	9.6%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.5	0.59%	1.0	29,044	281.2	3,505	19.4	43.1%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.6	1.95%	0.6	10,368	274.0	6,185	9.9	7.3%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.4	-1.14%	0.9	8,271	27.5	2,090	8.4	8.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	108.1	-6.41%	0.0	14,066	159.8	3,139	36.8	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	92.9	-1.80%	0.9	32,273	47.5	6,923	13.7	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	-2.78%	1.0	3,227	15.4	2,535	11.4	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	-2.04%	1.3	2,523	11.6	2,883	6.8	17.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.2	-3.33%	1.2	16,318	89.7	1,212	19.8	5.1%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.4	-2.41%	1.8	116,200	150.2	1,569	18.5	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.5	-2.93%	0.9	41,259	144.6	1,635	13.6	4.2%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	50.7	0.00%	0.8	151,455	115.8	3,469	14.6	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	-0.35%	0.0	24,449	20.8	2,337	6.1	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	-3.14%	1.0	33,954	66.8	1,460	8.7	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	1.25%	0.8	7,161	212.4	571	28.0	4.9%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.3	-1.68%	1.3	7,934	67.4	2,829	10.5	4.4%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	0.00%	0.7	9,729	62.8	1,715	18.7	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.3	0.98%	0.8	58,805	41.7	3,373	13.6	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.2	-3.05%	1.1	13,243	79.0	6,944	8.5	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	173.8	2.24%	0.3	13,916	47.7	14,639	11.6	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	99.0	-4.35%	1.0	10,498	107.4	6,560	15.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.8	-2.39%	1.2	10,524	96.0	5,128	17.9	5.4%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.2	-3.65%	1.2	4,415	38.7	3,037	14.4	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.1	-4.73%	1.2	7,362	126.9	1,106	13.4	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.2	1.47%	1.0	8,512	109.0	1,584	15.0	12.0%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.7	-5.37%	0.9	16,841	264.5	6,148	4.2	6.3%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.8	-0.95%	1.2	21,162	57.9	3,090	15.3	4.0%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>